

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ




VINAMARINE

QUY TRÌNH
TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI QUÁ CẢNH

	MÃ SỐ	:	QT.PC.05	
	LẦN BAN HÀNH	:	01	
	NGÀY BAN HÀNH	:	10/02/2015	
	TRANG	:	1/20	

--	--	--	--

	BIÊN SOẠN	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Chữ ký			
Họ tên	<i>Trịnh Quốc Dân</i>	<i>Võ Minh Tiến</i>	<i>Lê Minh Kháng</i>
Chức danh	Trưởng phòng	Đại diện lãnh đạo	Giám đốc

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 3/20</p>
---	---	--

1. MỤC ĐÍCH


Quy trình này thống nhất biểu Mẫu, trình tự thủ tục hành chính cho tàu thuyền nước ngoài quá cảnh nhằm nâng cao trách nhiệm của viên chức nghiệp vụ, rút ngắn thời gian làm thủ tục, tạo thuận lợi tối đa cho các tổ chức và cá nhân liên quan.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng đối với viên chức Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, Ban Giám đốc, người làm thủ tục, doanh nghiệp vận tải biển và dịch vụ hàng hải, các tổ chức và cá nhân liên quan trong việc thực hiện thủ tục hành chính cho tàu thuyền quá cảnh.

3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Luật hàng hải Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;
- Pháp lệnh thủ tục bắt giữ tàu biển số 05/2008/UBTVQH ngày 17/8/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 25/5/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu biển;
- Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về Quản lý cảng biển và luồng hàng hải;
- Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20/8/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, thủy nội địa;
- Quyết định số 57/2005/BGTVT ngày 28/10/2005 của Bộ Giao thông vận tải về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải;
- Thông tư số 11/2012/TT-BGTVT ngày 12/4/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;
- Thông tư số 10/2013/TT-BGTVT ngày 08/5/2013 của Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về Quản lý cảng biển và luồng hàng hải;
- Quyết định số 98/2008/QĐ-BTC ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định về phí, lệ phí hàng hải và Biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải;
- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về Vận tải đường thủy ngày 13/12/1998;
- Các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Hiệp định, thỏa thuận, mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết;

	QUY TRÌNH TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI QUÁ CẢNH	MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 4/20
---	---	--

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

4.1 Định nghĩa và giải thích từ ngữ

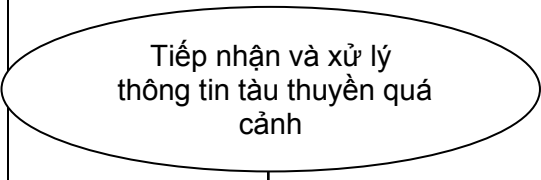
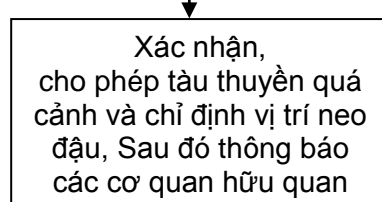
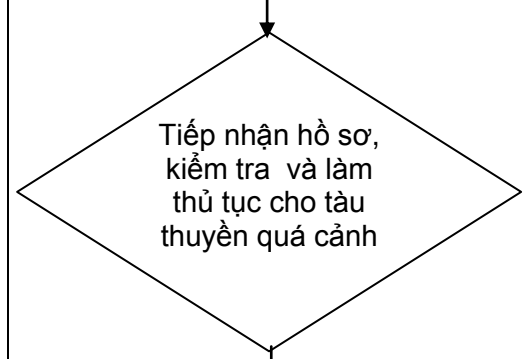
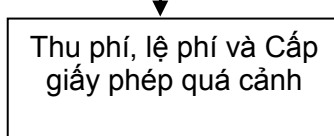
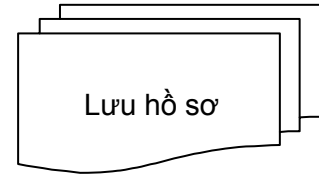
- Định nghĩa: Không áp dụng.
- Giải thích từ ngữ:
 - + Người làm thủ tục: chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được uỷ quyền.
 - + Trục ban cảng vụ: viên chức pháp chế Cảng vụ hàng hải Cần Thơ được lãnh đạo Phòng, Trưởng Đại diện phân công tiếp nhận, tham mưu, giải quyết những công việc hàng ngày liên quan đến hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển.
 - + Người có thẩm quyền: Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách, người được uỷ quyền của Giám đốc.


4.2 Chữ viết tắt

- CVHHCT: Cảng vụ hàng hải Cần Thơ.
- BLHHVN: Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005.
- NĐ21: Nghị định số 21/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/3/2012 về quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

5. NỘI DUNG

5.1 Lưu đồ

Bước công việc	Trách nhiệm	Trình tự	Tài liệu, biểu Mẫu liên quan
Bước 1	Người có thẩm quyền		<ul style="list-style-type: none"> - Điều 51, 52, 55 và 60 của NĐ21; - BM.PC.05.Mẫu 01-NĐ21
Bước 2	Người có thẩm quyền		<ul style="list-style-type: none"> - Điều 60 của NĐ21.
Bước 3	Trực ban cảng vụ		<ul style="list-style-type: none"> - Điều 54, 60 của NĐ21 - BM.PC.05.Mẫu 02-NĐ21 - BM.PC.05.Mẫu 03-NĐ21 - BM.PC.05.Mẫu 04-NĐ21 - BM.PC.05.Mẫu 05-NĐ21 - BM.PC.05.Mẫu 06-NĐ21 - BM.PC.05.Mẫu 07-NĐ21
Bước 4	Người có thẩm quyền / phòng Tài vụ		<ul style="list-style-type: none"> - BM.PC.05.Mẫu 15-NĐ21
Bước 5	Trực ban cảng vụ		<p>Thông tư số 09 ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về việc thời hạn bảo quản hồ sơ tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan tổ chức</p>

	QUY TRÌNH TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI QUÁ CẢNH	MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 6/20
---	---	--

5.2 Thuyết minh lưu đồ

5.2.1. Bước 1: Tiếp nhận và xử lý thông tin tàu thuyền quá cảnh

- Trước khi tàu thuyền đến khu vực neo đậu chờ quá cảnh, chậm nhất 12 giờ, người làm thủ tục phải gửi thông báo tàu thuyền nước ngoài quá cảnh (BM.PC.05.Mẫu 01-NĐ21) cho CVHHCT; Bản khai an ninh tàu biển BM.PC.05.Mẫu 02-NĐ21 (nếu có), đảm bảo các thông tin phải đầy đủ, phù hợp quy định.

- Trục ban cảng vụ sau khi nhận được thông báo tàu quá cảnh đến cảng biển Cần Thơ, kiểm tra, chỉnh sửa việc cập nhật thông tin tàu qua Cổng thông tin khai báo thủ tục tàu biển, cập nhật thông tin tàu đến vào các sổ sách, bảng biểu, phần mềm theo dõi tàu của CVHHCT.

5.2.2. Bước 2: Xác nhận cho phép tàu thuyền quá cảnh và chỉ định vị trí neo đậu, sau đó thông báo các cơ quan hữu quan.

- Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi nhận được thông báo tàu quá cảnh, trục ban cảng vụ tham mưu để người có thẩm quyền cho phép tàu thuyền quá cảnh; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nói rõ lý do; đồng thời thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển biết để phối hợp.

- Chậm nhất 02 giờ, kể từ khi nhận được xác báo tàu đã đến vị trí đón trả hoa tiêu, người có thẩm quyền chỉ định vị trí neo đậu tại khu vực neo chờ quá cảnh.

- Sau khi tàu đã vào đúng vị trí neo đậu, Trục ban cảng vụ có trách nhiệm thông báo ngay cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác biết thời gian và vị trí được chỉ định cho tàu neo đậu trong khu vực neo chờ quá cảnh.

5.2.3. Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và làm thủ tục cho tàu thuyền quá cảnh.

- Địa điểm thủ tục tàu quá cảnh tại cảng biển Cần Thơ:

Tại phòng làm thủ tục tàu Xuất, Nhập.

- Thời hạn và hồ sơ làm thủ tục quá cảnh:

Chậm nhất 02 giờ, trước khi tàu thuyền quá cảnh, người làm thủ tục phải nộp và xuất trình cho Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ các giấy tờ sau đây:


- Các giấy tờ phải nộp bao gồm (bản chính):

+ 01 bản khai chung BM.PC.05.Mẫu 03-NĐ21;

+ 01 danh sách thuyền viên BM.PC.05.Mẫu 04-NĐ21;

+ 01 danh sách hành khách (nếu có) BM.PC.05.Mẫu 05-NĐ21;

+ 01 bản khai hàng hóa (nếu có) BM.PC.05.Mẫu 06-NĐ21;

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 7/20</p>
---	---	--

- + 01 bản khai hàng hóa nguy hiểm BM.PC.05.Mẫu 07-NĐ21;
- Các giấy tờ phải xuất trình bao gồm (bản chính):
- + Giấy phép rời cảng hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- + Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền;
- + Các giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật của tàu thuyền theo quy định;
- + Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên theo quy định;
- + Hộ chiếu thuyền viên, sổ thuyền viên hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;
- + Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu về ô nhiễm môi trường, nếu là tàu chuyên dùng vận chuyển dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác;
- + Hộ chiếu của hành khách (nếu có).


- Trục ban cảng vụ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ tàu thuyền quá cảnh. Nếu chưa đủ hoặc chưa phù hợp thì hướng dẫn người làm thủ tục bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Quá trình làm thủ tục cho tàu thuyền quá cảnh, nếu Trục ban cảng vụ phát hiện hành vi vi phạm việc chấp hành các quy định của Nội quy cảng biển, pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Hiệp định, thỏa thuận, mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết, thì tiến hành lập biên bản, báo cáo lãnh đạo CVHHCT xem xét, xử lý vi phạm theo quy định.

- Sau khi kiểm tra hồ sơ tàu quá cảnh đầy đủ, hợp lệ, cũng như nhận được thông báo đã hoàn thành thủ tục quá cảnh của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, trục ban Cảng vụ trình người có thẩm quyền ký giấy phép quá cảnh cho tàu thuyền nước ngoài được phép quá cảnh theo BM.PC.05.Mẫu số 15- NĐ21 và báo cáo người có thẩm quyền biết tàu đã hoàn thành thủ tục quá cảnh. Sau đó chuyển hồ sơ, cung cấp thông tin (Sửa chữa, kháng cáo, thời gian neo đậu...) cho bộ phận Kế toán, tài vụ thu phí, lệ phí.

5.2.4. Bước 4: thu phí, lệ phí và cấp giấy phép quá cảnh.

- Phòng Tài vụ thu phí, lệ phí theo quy định.
- Viên chức pháp chế kiểm tra hoá đơn thu phí, lệ phí do người làm thủ tục trình và cấp Giấy phép quá cảnh.
- Ngay sau khi cấp Giấy phép quá cảnh theo Mẫu số 15 của Nghị định 21/NĐ-CP, Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ phải thông báo cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan trên tuyến luồng quá cảnh biết để phối hợp quản lý hoạt động quá cảnh của tàu thuyền đó.

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 8/20</p>
---	--	--

5.2.4. Bước 5: Lưu hồ sơ


Trực ban hoàn chỉnh hồ sơ tàu thuyền, vào các sổ sách, bảng biểu, phần mềm theo dõi tàu của CVHHCT và lưu hồ sơ theo Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 3/6/2011 về việc quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức.

6. BIỂU MẪU

TT	Tên Biểu Mẫu	Mã hiệu
1	Thông báo cho tàu đến cảng	BM.PC.05.Mẫu 01- NĐ21
2	Bản khai an ninh tàu biển	BM.PC.05.Mẫu 02- NĐ21
3	Bản khai chung	BM.PC.05.Mẫu 03- NĐ21
4	Danh sách thuyền viên	BM.PC.05.Mẫu 04-NĐ21
5	Bản khai hàng hoá nguy hiểm	BM.PC.05.Mẫu 07- NĐ21
6	Lệnh điều động	BM.PC.05.Mẫu 13- NĐ21
7	Giấy phép quá cảnh	BM.PC.05.Mẫu 15-NĐ21
8	Danh sách hành khách	BM.PC.05.Mẫu 05- NĐ21
9	Bản khai hàng hóa	BM.PC.05.Mẫu 06- NĐ21

7. HỒ SƠ LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1	Thông báo cho tàu đến cảng (quá cảnh)
2	Bản khai an ninh tàu biển
3	Bản khai chung
4	Danh sách hành khách (nếu có)
5	Danh sách thuyền viên
6	Bản khai hàng hoá (nguy hiểm)
7	Giấy phép rời cảng (photo)
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng Pháp chế trong thời hạn 10 năm.</p>	

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 9/20</p>
---	--	--

BM.PC.05.Mẫu 01-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

THÔNG BÁO TÀU ĐẾN CẢNG (QUÁ CẢNH)

NOTICE OF ARRIVAL OF VESSEL AT THE PORT (TRANSIT)


Tên và loại tàu: Name and type of ship		Cảng đến Port of arrival		Thời gian đến Time of arrival	
Số IMO: IMO number					
Hô hiệu: Call sign					
Quốc tịch tàu Flag State of ship	Tên thuyền trưởng Name of master	Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination			
Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)		Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners			
Chiều dài lớn nhất LOA	Chiều rộng Breadth	Chiều cao tính không Clearance height	Mớn nước thực tế Shown draft		
Tổng dung tích GT	Trọng tải toàn phần DWT	Đại lý của chủ tàu tại Việt Nam (nếu có) Name of the shipowners' agents in Viet Nam (if any)			
Mục đích đến cảng (Quá cảnh đi) Purpose of call (Transit to)					
Số lượng và loại hàng hóa vận chuyển trên tàu Quantity and types of cargoes on board					
Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng): Number of crew (incl. Master)	Số hành khách Number of passengers	Ghi chú: Remarks			
Những người khác trên tàu Other persons on board					

....., ngày tháng năm 20...

Date

Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

Master (or authorized agent)

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 10/20</p>
---	--	---

BM.PC.05.Mẫu 02-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM


Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam


Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI AN NINH TÀU BIỂN
SHIP'S SECURITY NOTIFICATION

1. Tên tàu: Name of Ship		2. Quốc tịch tàu Flag State of ship	3. Hồ hiệu Call-Sign
4. Tổng dung tích Gross tonnage	5. Loại tàu: Type of Ship	6. Số lượng thuyền viên: No.of Crew	
7. Thời gian dự kiến đến cảng: ETA:		8. Số IMO: IMO No.	
9. Mục đích đến cảng: Bốc/Dỡ/Tiếp nhiên liệu/Sửa chữa/Mục đích khác (gạch bỏ từ thích hợp) Purpose of Call: Loading / Discharging / Bunkering / Shipyard / Others (Delete as appropriate) Nếu là mục đích khác nêu rõ: If others, please specify purpose:			
10. Tên khu vực neo đậu hoặc cầu cảng mà tàu sẽ đến: Name of Anchorage or Port Facility your ship in bound for:			
11. Tên Đại lý tàu biển tại Việt Nam: Name of Ship Agent in Vietnam: Tel No: _____ Fax No: _____			
12. Tàu có GCN quốc tế về an ninh tàu biển (ISSC) không? Does your ship possess a valid International Ship Security Certificate (ISSC)? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là "Có" thì nêu chi tiết tại các câu hỏi 13, 14 If answer if 'Yes', give details in Q13 and Q14.			
13. Tên cơ quan cấp ISSC Name of issuing authority for the ISSC			
14. Ngày cấp ISSC Date of issue of the ISSC		15. Ngày ISSC hết hạn: Date of expiry of the ISSC	
16. Cấp độ an ninh hiện tại của tàu: Current security level of the ship			
17. Mười cảng mà tàu đã ghé vào gần nhất, ngày đến, ngày đi và cấp độ an ninh tàu đã áp dụng khi thực hiện giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển: Last 10 ports of call, including arrival / departure dates and the security level at which the ship operated at these ports where it has conducted a ship / port interface			
	Cảng Port	Ngày đến Arrival	Ngày đi Departure
			Cấp độ an ninh Security Level

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 11/20</p>
---	--	---

<p>18. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có áp dụng biện pháp an ninh đặc biệt hoặc biện pháp an ninh bổ sung nào không? Were there any special or additional security measures taken during any ship/port interface at the ports mentioned in Q17? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết: If answer is “Yes”, give detail:</p>	
<p>19. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và tàu biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có duy trì biện pháp an ninh thích hợp không? Were there appropriate ship security measures maintained during any ship-to-ship activity interface at the ports mentioned in Q17? Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp) Yes/No (Delete as appropriate) Nếu câu trả lời là “Có” thì nêu chi tiết: If answer is “Yes”, give detail:</p>	
<p>Chữ ký của thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Signature of Master/Shipowner/Agent Họ tên của thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Name of master/Shipowner/Agent</p>	
<p>Vị trí hiện tại: Vĩ độ.....; Kinh độ:..... Present position: Latitude Longitude</p>	

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 12/20</p>
---	--	---

BM.PC.05.Mẫu 03-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG

GENERAL DECLARATION

		Đến Arrival	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship:		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/departure
1.2 Số IMO: IMO number:			
1.3 Hồ hiệu: Call sign:			
1.4 Số chuyến đi: Voyage number:			
4. Quốc tịch tàu Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Port, date; number)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của đại lý: Name and contact details of the ship agent	
9. Tổng dung tích Gross tonnage	10. Dung tích có ích Net tonnage		
11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or station)			
12. Đặc điểm chính của chuyến đi (các cảng trước và các cảng sẽ đến, gạch chân các cảng sẽ dỡ hàng) số hàng còn lại Brief particulars of voyage (previous and subsequent port of call; underline where remaining cargo will be discharged)			
13. Mô tả tóm tắt về hàng hóa Brief description of the cargo			
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. Master)	15. Số hành khách Number of passenger	16. Ghi chú: Remarks	
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)			

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 13/20</p>
---	--	---

17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration	
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue receptions facilities
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế(*) Maritime Declaration of Health(*)	


24. ..., ngày ... tháng ... năm 20...

Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (or authorized agent or officer)

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng
only on arrival

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 14/20</p>
---	--	---

BM.PC.05.Mẫu 04-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

CREW LIST


		Đến Arrival			Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure		
1.2 Số IMO: IMO number		1.3 Hồ hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number		
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship			5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call			
6. STT No.	7. Họ và tên Family name, given name	8. Chức danh Rank of rating	9. Quốc tịch Nationality	10. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	11. Loại và Số Hộ chiếu Nature and No. of identity documents (seaman's passport)	

....., ngày tháng Năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p style="text-align: center;">QUY TRÌNH</p> <p style="text-align: center;">TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 15/20</p>
--	---	---

BM.PC.05.Mẫu 15-NĐ21

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
Vietnam Maritime Administration
Cảng vụ hàng hải Cần Thơ
The Maritime Administration of
Can Tho

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH
PERMISSION FOR TRANSIT

1. Cho phép tàu:..... Quốc tịch tàu:

Name of ship Flag State of ship

Hồ hiệu:.....

Call sign

Tổng dung tích:..... GT Tên thuyền trưởng.....

Gross tonnage Name of master

Số thuyền viên:..... Số hành khách..... Hàng hóa quá cảnh:.....

Number of crews Number of passengers Transit cargo

Được phép quá cảnh Việt Nam từ:.....đến:.....

Permitted to be in transit through Vietnam from to

Khởi hành vào lúc;giờngàythángnăm 20.....

Time of departure hour date month year

2. Khi quá cảnh, tàu này phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

During transiting, the ship is bound to properly implement provisions of Vietnamese Laws, Regulations and the International Treaties of which Vietnam is a contracting Party.

3. Giấy phép này có giá trị đến ngày.....tháng.....năm.

Valid until

Số:...../GPQC

No

Ngày.....tháng.....năm 20...

Date.....

GIÁM ĐỐC

Director

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



QUY TRÌNH
TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI
QUÁ CẢNH

MS: QT.PC.05
Lần ban hành:01
Ngày: 10/02/2015
Trang: 16/20

BM.PC.05.Mẫu 06-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION

			Đến Arrival 1	Rời Departure	Trang số: Page No:
	1.1 Tên tàu Name of ship	2. Cảng lập bản khai: Port where report is made			
	1.2 Số IMO: IMO number				
	1.3 Hồ hiệu: Call sign				
	1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
	3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	4. Tên thuyền trưởng: Name of master	5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge		
Vận đơn số* B/L No	6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos.	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods, or, if available, the HS code	8. Tổng trọng lượng Gross weight	9. Kích thước Measurement	
		<p>....., ngày tháng năm 20 ... Date.....</p> <p>Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền) Master (Authorized agent or officer)</p>			

BM.PC.05.Mẫu 07-NĐ21**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

**BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM
DANGEROUS GOODS MANIFEST**

1.1 Tên tàu Name of ship		1.2 Số IMO IMO Number			2. Quốc tịch tàu Flag state of ship			1.5 Tên thuyền trưởng: Master's Name			
1.3 Hồ hiệu Call sign		3. Cảng nhận hàng Port of loading			4. Cảng trả hàng Port of discharge			1.6 Đại lý tàu biển: Shipping Agent			
1.4 Số chuyến đi: Voyage number											
5. Hợp đồng vận chuyên hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/reference number	6. Ký hiệu và số kiện container Marks & numbers Id. Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net	16. EmS
Thông tin bổ sung: Additional Information											
19.1 Đại lý ký Agent's signature						18.1 Thuyền trưởng ký Master's signature					
19.2 Địa điểm và thời gian Place and Date						18.2 Địa điểm và thời gian Place and Date					



VINAMARINE
CẢNG VỤ HÀNG HẢI
CẦN THƠ

QUY TRÌNH

TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI QUÁ CẢNH

MS: QT.PC.05
Lần ban hành: 01
Ngày: 10/02/2015
Trang: 18/20

BM.PC.05.Mẫu 13-NĐ21

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
Cảng vụ hàng hải Cần Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Lệnh điều động số:

Tên tàu:

Quốc tịch:

Dung tích toàn phần:

Số lượng thuyền viên:

Số lượng hành khách:

Đang neo đậu tại:

Phải di chuyển tới:

Vào hồi giờ ngày

Lý do điều động:

Cấp giờ ngày .../.../.....

GIÁM ĐỐC

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
Vietnam Maritime Administration
Cảng vụ hàng hải Cần Thơ
The Maritime Administration of Cần Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG SHIFTING ORDER

Kính gửi: Thuyền trưởng tàu.....

To: master of M/V

Giám đốc Cảng vụ hàng hải..... Yêu cầu tàu.....

The Director of Maritime Administration of requests the vessel

Đang neo đậu tại..... Di chuyển tới.....

Anchoring/Berthing at To be shifted to

Vào hồi giờ ngày tháng năm.....

At hrs on month year

Lý do điều động:

Reasons to shift

Yêu cầu ông thực hiện nghiêm chỉnh lệnh này.

You are requested to comply in full this shifting order.

Giấy phép số:...../CV.....


No

Ngày.....tháng..... năm 20....

Date.....

GIÁM ĐỐC

Director

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 19/20</p>
---	--	---

BM.PC.05.Mẫu 05-NĐ21

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

PASSENGER LIST


		Đến Arrival		Rời Departure		Trang số: Page No:	
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure				
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hồ hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
5. Họ và tên Family name, given name	6. Quốc tịch Nationality	7. Ngày và nơi sinh Date and place of birth	8. Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document	9. Số hộ chiếu Serial number of identity or travel document	10. Cảng lên tàu Port of embarkation	11. Cảng rời tàu Port of disembarkation	12. Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

....., ngày ... tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

 <p>VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p>QUY TRÌNH</p> <p>TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI</p> <p>QUÁ CẢNH</p>	<p>MS: QT.PC.05 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 20/20</p>
---	--	---

BM.PC.05.01-Mẫu KHDD

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU

Từ giờ ngày tháng năm 20 đến giờ ngày tháng năm 20

STT	TÊN TÀU	CHIỀU DÀI	GRT	MÓN NƯỚC	VỊ TRÍ HIỆN TẠI	ĐẾN VỊ TRÍ	THỜI GIAN	TÀU LAI	HOA TIÊU CHÍNH	HOA TIÊU TẬP SỰ	GHI CHÚ
CẢNG BIỂN											
CẢNG BIỂN											
Người lập kế hoạch						Duyệt kế hoạch hồi giờ ngày tháng năm 20					